

Số: /BC-TANDTC

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2023

(Dự thảo)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Dự án Pháp lệnh Chi phí tố tụng

Kính trình: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao xin báo cáo đánh giá tác động của chính sách về Dự án Pháp lệnh Chi phí tố tụng (sau đây gọi là Pháp lệnh), cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Thực trạng pháp luật về chi phí tố tụng

Theo quy định của các bộ luật, luật thì các chi phí tố tụng bao gồm: chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người chứng kiến, người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa, các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã được quy định trong pháp luật về tương trợ tư pháp và tố tụng dân sự.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính;

- Chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch được thực hiện theo Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 và các văn bản pháp luật quy định chi tiết nhưng Pháp lệnh này được ban hành để cụ thể hóa các quy định của Bộ luật, Luật trước đây, đồng thời Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 nên một số quy định của Pháp lệnh chưa đồng bộ, thống nhất với quy định khác của pháp luật.

- Chi phí cho người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa thì chỉ quy định riêng rẽ cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý mà không có quy định cho bào chữa viên nhân dân.

- Chi phí cho Hội thẩm được quy định tại Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người

tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự. Hội thẩm là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm còn được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định tại Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân.

- Chi phí sao chụp tài liệu, bao gồm chi phí để bảo đảm cho việc thực hiện quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu của bị can tại điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự và đảm bảo cho việc nghiên cứu hồ sơ của Viện kiểm sát quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện chưa có quy định về người có nghĩa vụ chịu chi phí này.

- Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định: Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính quy định Tòa án phải chỉ định người đại diện trong một số trường hợp nhất định nhưng không quy định về việc người đại diện trong những trường hợp này được thanh toán chi phí khi tham gia tố tụng.

- Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Theo quy định khoản 1 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, trường hợp có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản được cấp, tổng đạt, thông báo thì Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Mặc khác, trong Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH thì không quy định chi phí “Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng” là chi phí tố tụng hay là lệ phí Tòa án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, trường hợp đương sự yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì xác định “lệ phí” thông báo này do đương sự có yêu cầu thông báo chịu, nhưng theo khoản 2 Điều 109 của Luật Tố tụng hành chính 2015 thì lại xác định đây là “chi phí”.

- Chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài: Theo quy định tại khoản 2 Điều 430 Bộ luật Tố tụng dân sự thì người yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài phải chịu chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam liên quan đến yêu cầu của họ.

- Chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng: Trách nhiệm bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng của cơ quan tiến hành tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, hiện chưa có quy định về chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng.- Chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức phiên tòa trực tuyến: Nghị quyết số 33/2021/QH15 của Quốc hội ngày 21/11/2021 quy định về tổ chức phiên tòa trực tuyến của Tòa án.

1.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về chi phí tố tụng

Các Tòa án áp dụng không thống nhất chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, cụ thể về dự tính tiền tạm ứng thu, trình tự, thủ tục thu, mức thu, mức chi, từ đó dẫn đến một số trường hợp có ý kiến hoặc có khiếu nại. Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật Tố tụng hành chính 93/2015/QH13 cũng chưa quy định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong trường hợp Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhiều lần cho một vụ án do có sai sót trong thẩm định và đo đạc thực tế hoặc làm lần 2 do yêu cầu của việc giải quyết vụ án.

Thực tiễn giải quyết các vụ việc cho thấy phát sinh một số chi phí mà pháp luật về chi phí giám định chưa quy định.

Đối với chi phí định giá tài sản, mức tạm ứng chi phí; mức chi cho thành viên Hội đồng định giá, thủ tục thu, nộp được áp dụng không thống nhất.

Một số mức chi thấp, không phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội hiện nay như: chi phí cho người làm chứng, chi phí cho Hội thẩm; thủ tục thanh toán cho người làm chứng, người phiên dịch còn phức tạp, gây khó khăn cho người được thanh toán.

Đối với chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài thì thực tiễn phát sinh những trường hợp Nhà nước cần tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, chi phí tố tụng khác; để tổng đạt quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, bản án, quyết định, thông báo kháng cáo thì mới giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Thủ tục thu nộp về chi phí ủy thác tư pháp theo con đường cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài cũng đang vướng mắc, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi.

Thực tiễn phát sinh một số chi phí mà pháp luật chưa quy định hoặc chưa có quy định cụ thể, như đối với chi phí cho người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa; chi phí sao chụp tài liệu; chi phí xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú, xác minh tài liệu, chứng cứ; chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính; chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài; chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng; chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức phiên tòa trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc xây dựng chính sách về chi phí tố tụng, bao gồm: chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; chi phí cho người chứng kiến, người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự nhằm đạt được các mục tiêu tổng quan sau đây:

a) Tạo cơ sở pháp lý để việc áp dụng, thi hành các quy định về chi phí tố tụng được đồng bộ, thống nhất;

b) Tạo cơ sở pháp lý cho việc quyết định, thanh toán lệ phí, chi phí tại Tòa án;

c) Khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự liên quan đến áp dụng các quy định về chi phí tố tụng; giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các tranh chấp; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân; góp phần nâng cao hiệu quả của công tác Tòa án.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Dự án Pháp lệnh này dự kiến hai nhóm chính sách lớn, bao gồm: (i) xây dựng, hoàn thiện các quy định về các loại chi phí tố tụng; (ii) xây dựng, hoàn thiện quy định miễn, giảm chi phí tố tụng.

Mỗi nhóm chính sách bao gồm các nội dung: xác định vấn đề bất cập; mục tiêu giải quyết vấn đề; các giải pháp đề xuất; đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực, tiêu cực về kinh tế, xã hội, về giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật của từng giải pháp chính sách); kiến nghị lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh, dự báo tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

1. Chính sách 1: Xây dựng, hoàn thiện quy định pháp luật về các loại chi phí tố tụng

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Đến nay chưa có văn bản quy định chi tiết đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; chi phí cho người chứng kiến, người dịch thuật trong tố tụng hình sự. Các Tòa án áp dụng không thống nhất chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, cụ thể về dự tính tiền tạm ứng thu, trình tự, thủ tục thu, mức thu, mức chi, từ đó dẫn đến một số trường hợp đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến hoặc có khiếu nại. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 cũng chưa quy định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong trường hợp Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhiều lần cho một vụ án do có sai sót trong thẩm định và đo đạc thực tế hoặc làm lần 2 do yêu cầu của việc giải quyết vụ án.

Về chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch được thực hiện theo Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 và các văn bản pháp luật quy định chi tiết nhưng Pháp lệnh này được ban hành để cụ thể hóa các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Luật Tố tụng hành chính năm 2010, đồng thời Luật Giám định tư pháp năm 2012 cũng được sửa đổi, bổ sung năm 2020 nên một số quy định của Pháp lệnh chưa đồng bộ, thống nhất với quy định khác của pháp luật, như chưa quy định về chi phí tham dự phiên tòa của người giám định trong khi Luật Giám định tư pháp đã quy định chi phí này; chưa quy định cụ thể về cơ chế tài

chính, cách xác định từng chi phí cụ thể cần cho việc thực hiện giám định đối với từng loại tổ chức thực hiện giám định dẫn đến các quy định về chi phí giám định tư pháp chưa thực sự đi vào cuộc sống, hầu hết các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện giám định không thể tính, thanh toán, chi trả chi phí giám định; chưa quy định chi tiết mức chi cho thành viên Hội đồng định giá; chưa quy định cụ thể về cơ chế tài chính, cách xác định từng chi phí cụ thể cần cho việc thực hiện giám định đối với từng loại tổ chức thực hiện giám định; chưa quy định chi tiết mức chi cho thành viên Hội đồng định giá. Ngoài ra, mức chi cho thành viên Hội đồng định giá, thủ tục thu, nộp được áp dụng không thống nhất, thực tiễn thường chi dao động từ 50.000 đồng - 300.000 đồng/người/ngày (tùy từng địa phương).

Mức chi cho người làm chứng là 50.000 đồng/người theo Nghị định số 81/2014/NĐ-CP và Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg. Mức chi này không phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội hiện nay; thủ tục thanh toán cho người làm chứng, người phiên dịch còn phức tạp, gây khó khăn cho người được thanh toán.

Đối với chi phí cho người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa thì chỉ quy định riêng cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tại Điều 57 Luật Luật sư, Điều 19 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP; điểm b khoản 3 Điều 13 Luật Trợ giúp pháp lý, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP mà không có quy định cho bào chữa viên nhân dân.

Đối với chi phí cho người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa: thực tiễn phát sinh một số chi phí mà pháp luật chưa quy định, như chi phí xét nghiệm Covid-19; trường hợp thay đổi người bào chữa thì chưa quy định về xử lý chi phí. Trường hợp người bào chữa theo chỉ định đã đến nghiên cứu hồ sơ vụ án nhưng sau đó không tham gia phiên tòa và Đoàn Luật sư cử người bào chữa khác thay thế nghiên cứu hồ sơ và tham gia phiên tòa thì trường hợp này, người bào chữa theo chỉ định ban đầu có được thanh toán chi phí nghiên cứu hồ sơ (khi chưa hoàn thành nhiệm vụ bào chữa cho bị can, bị cáo) hay không chưa được quy định, mức chi thấp so với thu nhập bình quân của người lao động hiện nay. Chi phí cho người bào chữa là Luật sư trong trường hợp chỉ định người bào chữa là 596.000 đồng/ngày.

Đối với chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài thì thực tiễn phát sinh những trường hợp Nhà nước cần tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, chi phí tố tụng khác; để tổng đạt quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, bản án, quyết định, thông báo kháng cáo thì mới giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Chế độ bồi dưỡng cho Hội thẩm tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc hiện nay là 90.000 đồng/ngày theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự. Mức chi này không còn phù hợp với thực tiễn, chưa đáp ứng được chi phí đi lại cho Hội thẩm nhân dân khi đến Tòa án nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét xử, nhất là khi phiên tòa bị hoãn hay bị tạm ngừng nhiều lần (đương sự không hợp tác hoặc liên tục vắng mặt tại phiên tòa).

Về chi phí sao chụp tài liệu, trên thực tế chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội có quy định về việc chi trả lệ phí cấp bản sao giấy tờ, sao chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4 và quy định này chỉ áp dụng đối với việc sao chụp tài liệu tại Tòa án. Đối với vụ án hình sự tại các giai đoạn tiến hành tố tụng như giai đoạn điều tra, truy tố thì khi bị can, người bào chữa yêu cầu được sao chụp hồ sơ vụ án hiện chưa có quy định chi tiết về người có nghĩa vụ chi trả và trình tự, thủ tục chi trả. Đặc biệt đối với trường hợp bị can đang bị tạm giam thì việc thực hiện quyền sao chụp tài liệu và việc chi trả chi phí gặp khó khăn, vướng mắc.

Về chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính: pháp luật không quy định về việc chi trả chi phí cho người đại diện trong trường hợp này dẫn đến không đảm bảo quyền lợi của họ khi tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Trường hợp việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo thì Tòa án phải thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Hiện nay chưa có hướng dẫn về người có nghĩa vụ chịu chi phí này. Do chi phí cho việc đăng báo và đài truyền hình là khá cao nên trong nhiều trường hợp, các đương sự không chấp nhận chi trả, đặc biệt là đối với những vụ án có giá trị tranh chấp nhỏ. Nếu Tòa án chi trả khoản chi phí này thì sẽ tạo gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Nếu không thực hiện thông báo thì không đảm bảo thủ tục tố tụng.

Đối với chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài: Hiện nay việc tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo đường ủy thác tư pháp và thông qua cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có quy định cụ thể tại Luật tương trợ tư pháp và Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 05/12/2019 của Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao. Tuy nhiên đối với trường hợp tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài thì hiện nay chưa có quy định cụ thể, thực tiễn thực hiện còn vướng mắc.

- Chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng: Thực tiễn đã phát sinh chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng đối với trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đối với chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức phiên tòa trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15: một số chi phí tổ chức phiên tòa trực tuyến đã được Nhà nước cấp trong kinh phí cơ sở vật chất cho Tòa án. Tuy nhiên, một số

chi phí phát sinh khác, như chi phí thuê trang thiết bị (đối với đơn vị chưa có trang thiết bị), chi phí thuê đường truyền mạng thì chưa được cấp kinh phí.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định chi tiết thi hành những chi phí tố tụng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1

Pháp lệnh quy định các loại chi phí tố tụng bao gồm:

- Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng và người phiên dịch; chi phí cho người dịch thuật, người chứng kiến, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính.

- Chi phí giám định, chi phí cho người phiên dịch, chi phí cho người dịch thuật, chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý theo quy định của Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân¹ theo đề nghị của Chính phủ².

- Chi phí cho Hội thẩm, chi phí cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, chi phí xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú, xác minh tài liệu, chứng cứ và các chi phí tố tụng khác (chi phí sao chụp tài liệu, chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định, chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng, chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức phiên tòa trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15).

¹ Điều 7 Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định:

1. Chi phí trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

a) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật;

b) Chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

c) Chi phí giám định, chi phí sao chụp tài liệu và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

1. Chi phí trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính gồm:

a) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật;

b) Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

c) Chi phí giám định và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

² Công văn số 88/CP-PL ngày 28/3/2023 của Chính Phủ về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

1.3.2. Giải pháp 2

Giữ nguyên như quy định hiện hành.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Tác động về kinh tế

a) Đối với Giải pháp 1

Từ việc quy định tương đối đầy đủ các loại chi phí phát sinh và quy định mức chi, trình tự thu nộp hợp lý trên cơ sở khắc phục bất cập, vướng mắc của quy định hiện hành sẽ bảo đảm lợi ích hợp pháp của các đối tượng được hưởng lợi từ chính sách này và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Bên cạnh các loại chi phí đang được thực thi theo pháp luật hiện hành thì một số loại chi phí trong tố tụng, như chi phí cho người dịch thuật, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa, chi phí cho người chứng kiến trong tố tụng hình sự, chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định theo tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức phiên tòa trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15 hầu như không thực hiện trên thực tế và hiện chưa có quy định chi tiết. Do đó, khi Pháp lệnh quy định chi tiết các loại chi phí này thì sẽ phát sinh thêm chi phí Nhà nước phải chi trả khi Pháp lệnh được thực thi. Tuy nhiên, các khoản chi phí này rất cần thiết, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động tố tụng.

Ngoài ra, một số chi phí do các đương sự chi trả sẽ giúp tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, như chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam đối với yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài.

Đối với chi phí cho Hội thẩm: theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự thì Hội thẩm được hưởng chế độ bồi dưỡng là 90.000 đồng/phiên tòa, ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án, tương đương 0,09 mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, tính theo ngày lương do Nhà nước quy định (lương cơ sở năm 2012 là 1.050.000đ/tháng). Tuy nhiên, từ năm 2012 đến nay đã hơn 10 năm, chế độ bồi dưỡng 90.000 đồng/phiên tòa (hoặc ngày làm việc) cho Hội thẩm không còn phù hợp với tình hình biến động giá cả hiện nay (lương cơ sở hiện hành từ ngày 01/7/2023 là 1.800.000đ/tháng)³.

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, thì trong nhiệm kỳ 2016-2021, số lượng vụ án trong cả nước có Hội thẩm đã tham gia xét xử là 999.019 vụ án có Hội thẩm tham gia (trong đó 998.257 vụ án có Hội thẩm nhân dân tham gia

³ Lương cơ sở hiện nay được quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ.

và 762 vụ án hình sự có Hội thẩm quân nhân tham gia). Như vậy, trung bình mỗi năm, cả nước có $999.019 : 6 = 166.503$ vụ án có Hội thẩm tham gia.

Trung bình mỗi Hội thẩm tham gia 3 ngày (gồm tham gia phiên tòa, đọc hồ sơ) và mỗi vụ án gồm 2 Hội thẩm tham gia thì mức chi cho Hội thẩm trung bình mỗi năm hiện nay là:

$166.503 \text{ vụ án} \times 2 \text{ Hội thẩm} \times 3 \text{ ngày} \times 90.000 \text{ đồng/ngày} = 89.911.620.000 \text{ đồng.}$

Nếu quy định mức phụ cấp xét xử bằng 0,5 lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì chế độ bồi dưỡng của Hội thẩm sẽ là:

$1.800.000đ \times 0,5 = 900.000 \text{ đồng/ngày}$ (lương cơ sở hiện hành từ ngày 01/7/2023 là 1.800.000đ).

Mức chi cho Hội thẩm trung bình mỗi năm sẽ là:

$166.503 \text{ vụ án} \times 2 \text{ Hội thẩm} \times 3 \text{ ngày} \times 900.000 \text{ đồng/ngày} = 899.116.200.000 \text{ đồng.}$

Như vậy, trung bình mỗi năm ngân sách Nhà nước sẽ phải chi chế độ bồi dưỡng cho Hội thẩm tăng lên so với trước đây là:

$899.116.200.000 \text{ đồng} - 89.911.620.000 \text{ đồng} = 809.204.580.000 \text{ đồng}$

Mặc dù ngân sách Nhà nước phải chi cho Hội thẩm tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, đây là tăng theo biến động giá cả, phù hợp với thực tiễn, bảo đảm quyền lợi cho Hội thẩm yên tâm thực hiện nhiệm vụ. Việc quy định mức phụ cấp xét xử theo tỷ lệ % mức lương cơ sở có ưu điểm là tự động điều chỉnh với biến động về giá cả thị trường nên không phải sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật khi có biến động về giá cả thị trường.

Một số chi phí khác thì mức tăng chỉ để phù hợp với mức biến động giá cả thị trường, như: Mức thù lao cho người tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ bằng 0,05 lần mức lương cơ sở, mức thù lao cho người làm chứng, người chứng kiến bằng 0,1 lần mức lương cơ sở, mức thù lao cho bào chữa viên nhân dân bằng 0,4 lần mức lương cơ sở.

b) Đối với Giải pháp 2

- Không phát sinh thêm chi phí do không thay đổi chính sách.

- Ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng được hưởng các chi phí này; đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan do sự bất cập, vướng mắc của chính sách hiện hành.

1.4.2. Tác động về xã hội

a) Đối với Giải pháp 1

Tạo sự nhận thức thống nhất, đầy đủ của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, người dân về các chi phí tố tụng liên quan đến

quyền và nghĩa vụ của các đối tượng chịu sự tác động của chính sách; tạo động lực, ý thức trách nhiệm cao cho các chủ thể tham gia vào quá trình tổ tụng.

Nâng cao uy tín và niềm tin của người dân vào hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện các hoạt động liên quan đến thu nộp, chi trả chi phí tố tụng nói riêng và các hoạt động tố tụng nói chung.

b) Đối với Giải pháp 2

Không tháo gỡ được các vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn về chi phí tố tụng, ảnh hưởng đến uy tín và niềm tin của người dân vào tính hiệu quả của hoạt động tố tụng.

1.4.3. Tác động về giới

Chính sách này không có tác động về giới.

1.4.4. Tác động của thủ tục hành chính

a) Đối với Giải pháp 1

Bổ sung thủ tục thu, nộp các chi phí mới bổ sung vào Pháp lệnh tương tự như thủ tục thu, nộp đối với các chi phí hiện hành, bảo đảm sự nhanh gọn, minh bạch, thống nhất, phù hợp với thực tiễn.

b) Đối với Giải pháp 2

- Không phát sinh thủ tục hành chính mới.
- Không khắc phục được các vướng mắc của thủ tục hành chính hiện hành.

1.4.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a) Đối với Giải pháp 1

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chi phí tố tụng; phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Bộ luật Tố tụng hình sự và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật về chi phí tố tụng.

- Bảo đảm sự tương thích, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, không gây mâu thuẫn, chồng chéo với các luật liên quan, theo đó, những chi phí đã được quy định theo hệ thống pháp luật chuyên ngành riêng thì Pháp lệnh này sẽ dẫn chiếu đến pháp luật hiện hành liên quan đó.

- Giải pháp này không tác động đến các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Đối với Giải pháp 2

Không quy định được đầy đủ các chi phí tố tụng trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự, chi phí theo quy định của Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại

Tòa án nhân dân trong một văn bản quy phạm pháp luật nên khó khăn trong việc tra cứu, áp dụng pháp luật.

- Thiếu tính đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của từng giải pháp, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp tối ưu nhất là Giải pháp 1. Theo đó:

- Bổ sung quy định cụ thể về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong tố tụng dân sự và tố tụng hành chính.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

- Hoàn thiện quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo hướng quy định các nguyên tắc như các loại chi phí, nghĩa vụ chịu và các đặc thù liên quan đến tố tụng. Chi tiết các mức thu chi, thủ tục thu nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo con đường tương trợ tư pháp sẽ dẫn chiếu đến pháp luật về tương trợ tư pháp.

- Bổ sung quy định cụ thể về chi phí cho người dịch thuật, chi phí cho người chứng kiến, chi phí cho người bào chữa trong trường hợp chỉ định bào chữa trong tố tụng hình sự.

- Quy định chi tiết về chi phí giám định, chi phí cho người phiên dịch, chi phí cho người dịch thuật, chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý theo quy định của Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân theo đề nghị của Chính phủ.

- Hoàn thiện quy định về chi phí cho Hội thẩm và các chi phí tố tụng khác, bao gồm: chi phí cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, chi phí xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú, xác minh tài liệu, chứng cứ và các chi phí tố tụng khác (chi phí sao chụp tài liệu; chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định, chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng; chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức phiên tòa trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15).

2. Chính sách 2: Xây dựng, hoàn thiện quy định miễn, giảm chi phí tố tụng

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Xem xét, thẩm định tại chỗ là quy định mới tại Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 88 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đây là một trong những biện pháp để thu thập tài liệu, chứng cứ do Thẩm phán tiến hành, có thể là theo yêu cầu của đương sự hoặc do Thẩm phán chủ động tiến hành khi xét thấy cần thiết và phải được thực hiện theo trình tự do pháp luật quy định, để đảm bảo tính khách quan, chính xác trong công tác thẩm định tại chỗ. Các chi phí này do người thua kiện chịu. Do vụ tranh chấp chưa được xét xử,

chưa xác định được ai là người thua kiện, pháp luật quy định bên nguyên đơn hoặc người yêu cầu phải nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định trên hiện gặp vướng mắc đối với trường hợp người có nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ không có khả năng kinh tế để nộp. Trong khi đó, quá trình Tòa án giải quyết các vụ án có liên quan đến đất đai thì việc đo đạc, thẩm định tại chỗ để xác định được diện tích đất tranh chấp, cây trồng, vật kiến trúc trên đất là bắt buộc, làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Nếu nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí thì Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự. Từ đó, có thể thấy, nếu nguyên đơn là hộ nghèo hoặc thuộc các đối tượng chính sách (thương binh, người có công cách mạng,...) và không có khả năng nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì họ không được bảo vệ quyền, lợi ích đáng.

Hiện nay, Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 đã có quy định về miễn giảm chi phí giám định. Do chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là loại chi phí mới quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên chưa có quy định về miễn, giảm đối với loại chi phí này.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định miễn, giảm một số loại chi phí tố tụng cho những đối tượng nhất định trong quá trình giải quyết vụ án nhằm tăng cường khả năng tiếp cận công lý của người dân; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của hoạt động tố tụng.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1

- Bổ sung quy định về việc miễn, giảm đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Bổ sung một số đối tượng được miễn, giảm chi phí.

- Kế thừa những quy định hiện hành đang có hiệu lực, thực tiễn thi hành không có vướng mắc, bất cập.

b) Giải pháp 2

Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Tác động về kinh tế

a) Đối với Giải pháp 1

Việc bổ sung thêm đối tượng được miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ có thể phát sinh thêm kinh phí Nhà nước phải chi trả cho hoạt động này. Tuy nhiên, đây là chính sách cần thiết để bảo đảm hiệu quả của hoạt động tố tụng, giúp giải quyết kịp thời, nhanh chóng và đúng đắn vụ án. Do vậy, xét về tổng thể thì hiệu quả của hoạt động tố tụng sẽ mang lại lợi ích cao hơn chi phí tố tụng mà Nhà nước đã chi trả.

b) Đối với Giải pháp 2

Quyền, lợi ích của người tham gia tố tụng không được đảm bảo trong trường hợp họ không có khả năng nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ dẫn đến phải đình chỉ vụ án liên quan đến quyền, lợi ích của họ.

2.4.2. Tác động về xã hội

a) Đối với Giải pháp 1

- Thể hiện chính sách an sinh xã hội và tính nhân văn của Nhà nước trong việc ưu đãi người có công với cách mạng; ưu tiên, hỗ trợ đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em tương tự với các lĩnh vực đang được quy định theo pháp luật hiện hành.

- Tăng niềm tin của xã hội vào sự hỗ trợ, chính sách của Nhà nước trong việc giúp đỡ, bảo vệ những người khó khăn, như trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ.

- Tăng cường tiếp cận công lý, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng đối với người dân, đặc biệt là những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp chi phí tố tụng.

b) Đối với Giải pháp 2

Chưa thể hiện được tối đa chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với những hoàn cảnh khó khăn trong việc tiếp cận công lý, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của họ.

2.4.3. Tác động về giới

Chính sách này không có tác động về giới.

2.4.4. Tác động của thủ tục hành chính

a) Đối với Giải pháp 1

Bổ sung thủ tục miễn, giảm đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên, đây là một loại chi phí tố tụng nên có thể tiến hành thông qua việc lồng ghép, thực hiện đồng thời với thủ tục thu, nộp chi phí. Do đó, thủ tục này sẽ không phát sinh nhiều nhân lực và chi phí.

b) Đối với Giải pháp 2

- Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

2.4.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a) Đối với Giải pháp 1

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về miễn, giảm chi phí tố tụng; phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Bộ luật Tố tụng hình sự và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật về chi phí tố tụng.

- Bảo đảm sự tương thích, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, không gây mâu thuẫn, chông chéo với các luật liên quan.

- Giải pháp này không tác động đến các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Đối với Giải pháp 2

Không khắc phục được bất cập trong quy định của pháp luật về miễn, giảm chi phí tố tụng.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của từng giải pháp, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp tối ưu nhất là Giải pháp 1, cụ thể như sau:

- Quy định việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo nguyên tắc như đối với tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

- Kế thừa, bổ sung quy định về miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định, kế thừa quy định việc không miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí định giá, chi phí định giá.

- Không quy định việc miễn, giảm đối với chi phí cho người dịch thuật, người chứng kiến, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa, người làm chứng, người phiên dịch.

- Mở rộng đối tượng được miễn gồm: trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi được hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng liệt sĩ khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính được miễn tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt nơi người đó cư trú thì được giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

III. LẤY Ý KIẾN

Tòa án nhân dân tối cao đã trực tiếp tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm trong hoạt động đánh giá chính sách; đăng tải dự thảo Báo cáo trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao để lấy ý kiến rộng rãi và gửi xin ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Tòa án nhân dân tối cao đã nghiêm túc

tiếp thu, chỉnh lý và giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hội đồng Dân tộc; Ủy ban của Quốc hội; Đại biểu Quốc hội.

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách về Dự án Pháp lệnh Chi phí tố tụng, Tòa án nhân dân tối cao xin kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Ngoại giao;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình